

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: VĂN HÓA HỌC
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 02

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thu Uyên	24/9/2000	Trường THPT Việt Đức, Hà Nội	27.0	66.0	93.0	
2	Phạm Trung Hưng	16/12/1978	Công ty TNHH C.M.Y.K Việt Nam	28.0	64.0	92.0	

PHÓ GIÁM ĐỐC

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Nguyễn Hoàng Hiền

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: TRIẾT HỌC
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 05

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Hoàng Thị Thúy An	01/5/1990	Viện Triết học	30.0	66.8	96.8	
2	Hồ Mạnh Tùng	15/5/1990	Viện Triết học	29.0	66.8	95.8	
3	Nguyễn Thị Hào	13/12/1983	Viện Triết học	30.0	65.6	95.6	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
4	Nguyễn Thị Hiền	22/12/1989	Trường Đại học Kiểm soát	27.0	65.6	92.6	
5	Nguyễn Thị Quý	20/10/1986	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	26.0	63.2	89.2	

PHÓ GIÁM ĐỐC
kiêm
CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH



Nguyễn Hoàng Hiền

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 06

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thắm	03/12/1981	Trường Đại học Hải Dương	30.0	64.0	94.0	
2	Vũ Thị Ngọc	19/7/1987	Đại học Phenikaa	30.0	62.8	92.8	
3	Lê Trường Hận	08/12/1989	Trường Đại học Nam Cần Thơ	30.0	62.6	92.6	
4	Nguyễn Thị Ngọc Hân	03/10/1989	UBND phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh	30.0	62.2	92.2	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
5	Đỗ Thanh Huyền	14/6/1988	Trường Đại học Hải Dương	30.0	62.0	92.0	
6	Vũ Ngọc Minh Anh	09/6/2004	Trung tâm phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ	26.0	63.6	89.6	

PHÓ GIÁM ĐỐC
 kiêm
CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH



Nguyễn Hoàng Hiến

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 24

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phạm Thanh Nga	28/12/1995	Học viện Khoa học xã hội	29.0	63.6	92.6	
2	Vũ Thị Mai Anh	29/3/1973	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	28.0	62.4	90.4	
3	Nguyễn Văn Tiến	24/6/1971	Trường Đại học Thủ Dầu Một	28.0	62.2	90.2	
4	Nguyễn Thị Hào	06/11/1978	Trường Đại học Thành Đô	28.0	61.8	89.8	
5	Nguyễn Văn Dũng	04/8/1983	Đảng ủy xã Xuân Mai, Thành phố Hà Nội	27.0	62.4	89.4	
6	Trần Thị Ninh	20/12/1982	Học viện Chính sách và Phát triển	27.0	61.8	88.8	
7	Nguyễn Hồng Cúc	30/10/1986	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	28.0	60.8	88.8	
8	Phạm Thị Thu Trang	20/12/1984	Trường Đại học Lao động xã hội	30.0	58.8	88.8	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
9	Hồ Hoàng Phương	05/7/1998	Trung tâm chính trị phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh	27.0	61.2	88.2	
10	Nguyễn Thị Minh Châu	01/5/1977	Viện KHXH vùng Nam Bộ	28.0	60.2	88.2	
11	Trần Thanh Hồng Lan	14/4/1983	Viện KHXH vùng Nam Bộ	28.0	60.2	88.2	
12	Nguyễn Xuân Mạnh	25/5/2000	Kiểm toán nhà nước khu vực VII	28.0	60.0	88.0	
13	Nguyễn Nghiêm Hoàng	20/3/1992	Học viện Khoa học xã hội	26.0	61.8	87.8	
14	Nguyễn Thanh Bình	02/02/1992	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	26.0	61.0	87.0	
15	Lê Thị Hương	28/9/1983	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	28.0	59.0	87.0	
16	Hà Mạnh Hoan	25/12/1981	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	27.0	59.8	86.8	
17	Nguyễn Văn Linh	15/7/1987	Viện nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	28.0	58.8	86.8	
18	Nguyễn Thị Hồng Trâm	27/8/1989	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	28.0	58.8	86.8	
19	Đặng Hoài Dinh	14/02/1984	TAND khu vực 12, Tây Ninh	27.0	59.6	86.6	
20	Dương Hoa Lê	01/6/1999	Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	24.0	62.4	86.4	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
21	Nguyễn Trọng Bắc	10/5/1976	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	26.0	60.4	86.4	
22	Nguyễn Thị Ngân	09/11/1989	Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam	27.0	59.4	86.4	
23	Trần Văn Hoàng	02/10/1988	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	28.0	58.2	86.2	
24	Lê Phạm Quốc Đại	04/7/1997	Đảng ủy phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội	26.0	52.8	78.8	

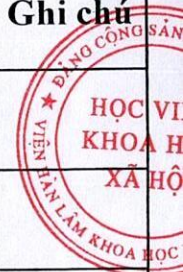
PHÓ GIÁM ĐỐC
 kiêm
CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH

Nguyễn Hoàng Hiến

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 12

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Lê Thị Anh	21/4/1983	Học viện Ngân hàng	26.0	58.8	84.8	
2	Trần Thị Ngọc	23/12/1981	Công ty TNHH Công nghệ Băng Tải	25.0	58.0	83.0	
3	Phạm Thị Vân Anh	22/6/1986	Viện Quản trị sáng tạo	26.0	56.6	82.6	
4	Lương Thị Quỳnh Mai	03/10/1990	Trường Đại học Vinh	26.0	56.6	82.6	
5	Nguyễn Thu Hương	24/06/1985	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	25.0	57.2	82.2	
6	Trần Thị Thu Huyền	29/9/1976	Viện nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	27.0	55.0	82.0	
7	Lê Thị Thu Hà	14/10/1984	Trường Đại học Hồng Đức	24.0	55.8	79.8	
8	Nguyễn Thanh Hải	26/3/1993	Trung tâm ngân hàng số, Vietcombank	22.0	57.6	79.6	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
9	Mai Thị Hồng	26/11/1989	Trường Đại học Hồng Đức	23.0	56.0	79.0	
10	Đinh Thị Thu Thủy	01/6/1986	Trường Đại học Hồng Đức	23.0	55.6	78.6	
11	Nguyễn Ngọc Mai	15/01/1986	Viện nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	25.0	52.8	77.8	
12	Nguyễn Đàm Minh Thông	18/10/1981	Trường Đại học Điện lực	22.0	53.4	75.4	

PHÓ GIÁM ĐỐC
 kiêm
CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH

Nguyễn Hoàng Hiền

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 31

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phạm Mạnh Thùy	03/12/1977	Viện Chiến lược và Chính sách Kinh tế - Tài chính	27.0	55.8	82.8	
2	Phạm Hồng Nhật	16/01/1992	Viện Nhà nước và pháp luật	27.0	55.4	82.4	
3	Phạm Thị Thúy Kiều	20/02/1991	Trường Đại học Tài chính - Marketing	27.0	55.2	82.2	
4	Đặng Quang Nhã	22/12/1987	Đảng ủy phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	27.0	55.2	82.2	
5	Trần Thị Kim Anh	01/12/1991	Trường Đại học Kinh tế & QTKD, Đại học Thái Nguyên	27.0	55.0	82.0	
6	Nguyễn Trí Đức	10/12/1995	Học viện Tài chính	27.0	55.0	82.0	
7	Đinh Tấn Đồng	26/6/1981	Đại học Cần Thơ	27.0	55.0	82.0	
8	Cao Thị Lê Thương	24/3/1989	Viện Nhà nước và pháp luật	27.0	54.2	81.2	
9	Nguyễn Đình Sơn	10/6/1975	Học viện Khoa học xã hội	27.0	53.8	80.8	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
10	Trần Thị Ngọc Nhung	09/3/1992	Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh	25.0	55.6	80.6	
11	Vũ Thị Hương	29/8/1991	Trường Đại học Hải Dương	27.0	53.6	80.6	
12	Nguyễn Việt Hương	07/6/1989	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	27.0	53.4	80.4	
13	Dương Thị Xuân Quý	25/10/1991	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	25.0	55.2	80.2	
14	Vũ Thùy Trang	16/12/1997	Trường Đại học Thái Bình	26.0	54.2	80.2	
15	Nguyễn Thanh Tâm	27/01/1996	Trường Đại học Công nghệ GTVT	25.0	55.0	80.0	
16	Nguyễn Thị Lựu	10/11/1985	Trường Đại học Đà Lạt	27.0	53.0	80.0	
17	Võ Thị Thương	07/12/1993	Học viện Khoa học xã hội	27.0	52.6	79.6	
18	Bùi Thị Hường	20/01/1984	Viện Nhà nước và pháp luật	25.0	54.4	79.4	
19	Huỳnh Văn Huyện	01/01/1988	Trường Đại học Võ Trường Toản	25.0	54.0	79.0	
20	Lê Vĩnh Sơn	07/11/1976	Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh	27.0	51.6	78.6	
21	Nguyễn Nhật Quang	07/9/2001	Công ty Luật TNHH MTV FBLAW	21.0	56.8	77.8	
22	Nguyễn Tuấn Cường	02/5/1993	Bệnh viện Tai Mũi Họng Thành phố Cần Thơ	22.0	55.0	77.0	
23	Đỗ Vân Ngọc	13/9/2000	TAND khu vực 1 - Hà Nội	23.0	54.0	77.0	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
24	Nguyễn Lê Dân	12/10/1990	Viện Nhà nước và pháp luật	27.0	50.0	77.0	
25	Nguyễn Chí Giang	14/7/1994	Trường Đại học Victoria Hòa Bình	20.0	56.8	76.8	
26	Nguyễn Duy Thiện	28/3/1991	Trường Đại học Thăng Long	24.0	51.0	75.0	
27	Ngô Thái Cát Tường	25/4/1999	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	24.0	51.0	75.0	
28	Nguyễn Lê Nhật Sơn	10/3/2001	Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	21.0	53.4	74.4	
29	Đoàn Duy Bách	07/8/2000	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	23.0	49.8	72.8	
30	Nguyễn Thùy Dung	25/7/1988	Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội	24.0	46.8	70.8	
31	Lê Thị Hạnh	25/10/1984	Học viện Chính sách và phát triển phân hiệu tỉnh Bắc Ninh	20.0	50.0	70.0	

PHÓ GIÁM ĐỐC

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH



Nguyễn Hoàng Hiền

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 28

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Bùi Thị Thu Thủy	26/9/1996	Trường Đại học Đại Nam	30.0	65.6	95.6	
2	Nguyễn Thị Thắm	04/6/1989	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	30.0	65.2	95.2	
3	Đinh Thị Ngọc Linh	06/9/1983	Đại học Phenikaa	30.0	65.0	95.0	
4	Nguyễn Hoàng Sơn	12/12/1982	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	30.0	65.0	95.0	
5	Phùng Thị Ngọc Ánh	07/02/1995	Công ty cổ phần quốc tế TBT Group	30.0	64.8	94.8	
6	Đỗ Thị Phương Loan	28/8/1992	Trường Đại học Hà Nội	30.0	64.8	94.8	
7	Nguyễn Thị Lan Hương	03/7/1977	Học viện Quân y	30.0	64.4	94.4	
8	Bùi Thị Huyền	02/6/1995	Trường Đại học Đại Nam	29.0	65.0	94.0	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
9	Phạm Thị Minh Hải	13/01/1984	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	28.0	65.8	93.8	
10	Nguyễn Ngọc Linh	22/11/1991	Trường Đại học Nguyễn Trãi	30.0	63.6	93.6	
11	Nguyễn Thị Hải Yến	25/7/1988	Trường Đại học Công nghiệp Đông Á	30.0	63.6	93.6	
12	Vũ Thanh Trà	12/12/1983	Trường Đại học Phương Đông	30.0	63.4	93.4	
13	Ngô Thị Lan Hương	25/9/1990	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30.0	63.2	93.2	
14	Đỗ Thị Phương Thúy	31/10/1991	Trường Đại học Giao thông vận tải	28.0	65.0	93.0	
15	Nguyễn Đỗ Thùy Dương	08/4/1997	Viện Quản trị sáng tạo	30.0	63.0	93.0	
16	Lê Thị Ly	09/12/1990	Trường Đại học Công nghệ GTVT	30.0	62.6	92.6	
17	Hán Thị Vân Anh	29/11/1993	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	28.0	64.4	92.4	
18	Hoàng Thị Hải Anh	17/5/1982	Trường Đại học Hạ Long	30.0	62.2	92.2	
19	Đinh Mai Thu Thủy	25/7/1990	Trường Đại học Thăng Long	30.0	61.8	91.8	
20	Lương Thị Thu Ngân	24/10/1993	Trường Đại học Hà Nội	28.0	63.6	91.6	
21	Trịnh Hoa Minh	01/9/2000	Trường Đại học Ngoại thương	28.0	63.2	91.2	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
22	Nguyễn Ngọc Anh	17/01/1986	Trường THCS Giảng Võ 2, Hà Nội	26.0	65.0	91.0	
23	Hoàng Thị Hải Đường	03/5/1976	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	26.0	64.2	90.2	
24	Nguyễn Quỳnh Anh	06/8/2000	Trường THCS Đền Lừ, Hà Nội	27.0	63.2	90.2	
25	Nguyễn Thị Tuyết	14/5/1983	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	28.0	62.2	90.2	
26	Nguyễn Thị Thịnh	27/5/1982	Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp	28.0	61.8	89.8	
27	Ngô Thị Lan Anh	16/12/1991	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	26.0	62.0	88.0	
28	Vũ Thị Hồng	06/9/1987	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	26.0	61.0	87.0	

PHÓ GIÁM ĐỐC
 kiêm
CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH



KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 17

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Trung Đức	03/10/1998	Thuế cơ sở 5 Thành phố Hà Nội	24.0	53.4	77.4	
2	Phạm Thị Thanh	13/8/1984	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	27.0	50.0	77.0	
3	Trần Lan Hương	11/4/1993	Học viện Khoa học xã hội	24.0	52.0	76.0	
4	Nguyễn Xuân Hùng	02/11/1977	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	25.0	51.0	76.0	
5	Lê Hoàng Minh	08/11/1986	Bộ Công thương	25.0	51.0	76.0	
6	Trịnh Thế Bình	28/02/1978	Ủy Ban Kiểm tra Trung ương	23.0	52.0	75.0	
7	Trần Anh Dũng	18/12/1973	Công ty TNHH Thái Sơn OLYMPIC	24.0	51.0	75.0	
8	Nguyễn Thị Minh Ngọc	06/11/1977	Bệnh viện Bạch Mai	24.0	50.2	74.2	
9	Nguyễn Quốc Anh	02/4/1976	Viện Chiến lược và Chính sách Kinh tế - tài chính	22.0	52.0	74.0	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
10	Nguyễn Trọng Hưng	21/8/2004	Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội	18.0	55.0	73.0	
11	Trần Thanh Phương	14/9/1978	Công ty TNHH SD LINK	22.0	50.0	72.0	
12	Đoàn Trần Trọng Nhân	26/01/1998	Kiểm toán Nhà nước	20.0	51.4	71.4	
13	Vũ Quang Anh	16/02/2000	Công ty TNHH Vũ Anh	25.0	46.0	71.0	
14	Nguyễn Minh Hùng	18/5/2000	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao	19.0	51.0	70.0	
15	Đoàn Trần Quỳnh Mai	12/9/2002	Kiểm toán Nhà nước Khu vực I	19.0	51.0	70.0	
16	Nguyễn Thanh Vân	01/12/1983	Công ty TNHH FAVI	25.0	40.0	65.0	
17	Nhữ Minh Quang	15/01/1999	Sở Tài chính Hà Nội	20.0	40.0	60.0	

PHÓ GIÁM ĐỐC
 kiêm
CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH

Nguyễn Hoàng Hiến

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: TÂM LÝ HỌC
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 15

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Phúc	09/10/1984	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Vĩnh Long	30.0	67.2	97.2	
2	Đặng Thị Đức Phương	03/11/1990	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	30.0	65.0	95.0	
3	Bùi Hồng Thúy	24/5/1981	Công ty TNHH Công nghệ và Giáo dục TPNC	28.0	66.0	94.0	
4	Đỗ Thị An	29/12/1978	Trường Đại học Lao động - Xã hội	28.0	65.6	93.6	
5	Trần Văn Hô	06/10/1984	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Mai Hương	28.0	64.8	92.8	
6	Trần Quang Thái	10/11/1979	Công ty TNHH INSPIRE LIFE	27.0	65.2	92.2	
7	Phạm Thị Huê	04/8/1990	Trường Đại học Đà Lạt	26.0	65.8	91.8	
8	Trần Thị Tâm	24/10/1982	Trường Cao đẳng Y Dược Hồng Đức	26.0	65.0	91.0	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
9	Võ Thị Hoàng	13/11/1986	Trung tâm HTPTGDHN Ban Mai Xanh	27.0	63.8	90.8	
10	Vũ Thu Thủy	12/9/1992	Học viện Quản lý giáo dục	24.0	66.2	90.2	
11	Trần Thị Tân	15/7/1990	Trường Đại học Hoa Lư	24.0	65.6	89.6	
12	Tiêu Thảo Ngân	21/01/1992	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh	25.0	64.4	89.4	
13	Lê Thị Thùy Linh	21/11/1986	Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	24.0	64.4	88.4	
14	Trần Thị Thu Thủy	09/12/1983	Trường Mầm non Hoa Phượng 1, TP. Hồ Chí Minh	24.0	64.2	88.2	
15	Lưu Thị Quỳnh	25/3/1993	Công ty CP đầu tư giáo dục và đào tạo quốc tế Rồng Việt	21.0	61.6	82.6	

PHÓ GIÁM ĐỐC

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH



Nguyễn Hoàng Hiền

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
Kỳ tuyển sinh: năm 2026

Tổng số: 17

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
1	Phạm Tầm Dương	20/6/1975	Trường Đại học Công nghệ Đông Á	28.0	50.0	78.0	
2	Lê Ngọc Thúy	08/12/1988	Công ty cổ phần Công nghiệp Á Mỹ	26.0	51.2	77.2	
3	Nguyễn Anh Thư	12/02/1992	Học viện Khoa học xã hội	25.0	51.8	76.8	
4	Lâm Phương Hào	10/10/1980	Trường Đại học Công nghệ Đông Á	26.0	50.0	76.0	
5	Phạm Minh Nguyệt	20/4/1974	Trường Đại học Hà Nội	25.0	50.2	75.2	
6	Nguyễn Thùy Linh	01/10/1999	Học viện Tài chính	21.0	53.8	74.8	
7	Tạ Thu Hằng	10/12/1980	Trường Đại học Trung Vương	24.0	50.6	74.6	
8	Đặng Văn Kiên	02/6/1976	Công ty TNHH tổ chức giáo dục Emax	24.0	50.0	74.0	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Cơ quan công tác	Điểm hồ sơ	Điểm TB bài luận	Tổng điểm	Ghi chú
9	Nguyễn Tuấn Anh	27/02/1992	Học viện Khoa học xã hội	22.0	51.4	73.4	
10	Nguyễn Quỳnh Nga	05/3/1980	Trường Đại học Công nghệ Đông Á	23.0	50.2	73.2	
11	Nguyễn Văn Đông	24/02/1980	Công ty TNHH MTV - DV Phát triển nhân lực mới	22.0	50.2	72.2	
12	Nguyễn Hoàng Dũng	21/3/1996	Học viện Tài chính	21.0	50.0	71.0	
13	Nguyễn Minh Tuấn	01/4/1986	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21.0	50.0	71.0	
14	Trần Nguyệt Anh	31/7/1987	Trường Đại học Gia Định	23.0	46.4	69.4	
15	Đặng Thị Thúy Hương	24/5/1987	Trường Đại học Đại Nam	23.0	40.8	63.8	
16	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/9/1984	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, Đại học Thái Nguyên	23.0	40.2	63.2	
17	Vũ Hoàng Dũng	14/10/1998	Công ty TNHH Tân Hàn Việt	22.0	32.2	54.2	

PHÓ GIÁM ĐỐC

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI TUYỂN SINH



PGS.TS. Nguyễn Hoàng Hiến